

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Bản án số: **141/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-7-2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Lâm.

2. Ông Trương Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2017, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 06/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng D, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/5/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn là chị Võ Thị Bích T trình bày như sau: Chị Võ Thị Bích T và anh Đặng D quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P vào ngày 25/10/2011. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau. Anh D thường xuyên nhậu, cờ bạc và đánh đập chị T tuy chưa đến mức phải nằm viện nhưng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị T

và anh D đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không quan tâm lo lắng cho nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về chung sống với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đặng D.

Về con chung: Chị Võ Thị Bích T trình bày: Chị và anh D có 01 người con chung tên là Đặng Gia B, sinh ngày 31/01/2012. Chị T yêu cầu Tòa án giao cháu B cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị T đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị T; giấy chứng nhận kết hôn; đơn xin xác nhận hộ khẩu, bảo sao giấy khai sinh cháu B.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho anh D biết việc chị T xin ly hôn và đã 02 lần thông báo cho anh D tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D không đến.

Qua xác minh tại nhà anh D thì được biết anh D đã nhận thông báo của Tòa án nhưng do bận đi làm ăn nên anh D không đến Tòa án được. Anh D cũng không có bản trình bày ý kiến của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/7/2017, Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ 2, anh D tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn cố tình cản trở, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Bích T. Về việc nuôi con: Do anh D vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu B cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn là anh Đặng D cố tình vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Bích T và anh Đặng D đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xem xét về quá trình hôn nhân giữa chị T và anh D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị T và anh D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh D không quan tâm chăm lo cho gia đình. Hiện nay, chị T và anh D đã sống ly thân, cuộc sống chung của ai người đó tự lo liệu, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Do vậy, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Bích T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh D có 01 người con chung là Đặng Gia B, sinh ngày 31/01/2012. Xét yêu cầu được nuôi con của chị T, thấy rằng: Anh D vắng mặt tại Tòa án nên cần giao cháu B cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, chị T có đủ khả năng để nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Bích T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích T, chị Võ Thị Bích T được ly hôn anh Đặng D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Gia B, sinh ngày 31/01/2012 cho chị Võ Thị Bích T chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Đặng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng D có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Võ Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số AA/2011/001539, ngày 17/5/2017 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đường sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN, CHỦ TỌA PHIÊN TÒA